TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 57/2020/HS - PT
Ngày: 04/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Anh Dân và bà Dương Thị Liên.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 43/2020/TLPT - HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Dương Minh T do có kháng cáo của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS - ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Họ và tên: **Dương Minh T** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn H, xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn N1 và bà Dương Thị T; có vợ Hoàng Thị N và 02 con chung, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2019, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người bị hại: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1997; Trú tại: thôn TP, xã LT, huyện LY, tỉnh Yên Bái. (vợ bị cáo có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Ông Nguyễn Công Q - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư AT - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, do Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Nguyên cử (có mặt).

Những người làm chứng: Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Minh T và chị Hoàng Thị N là vợ chồng. Trong quá trình chung sống T và chị N phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Khoảng tháng 6 năm 2019, chị N đến thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Ngày 21/7/2019, T từ nhà ở thôn H, TL, LN, Bắc Giang tìm đến khu vực phòng trọ của chị N tại phường ĐT, thị xã PY với mục đích nói chuyện với chị N về việc đoàn tụ gia đình nhưng không gặp chị N, T thuê phòng trọ ngủ qua đêm. Sáng ngày 22/7/2019, T tiếp tục đi quanh thị xã Phổ Yên để tìm chị N. Chị N biết T đến tìm mình nên gọi điện hẹn chiều cùng ngày sẽ gặp T. Do nghi ngờ chị N có quan hệ ngoại tình nên T đến khu vực chợ AB, phường ĐT mua 01 con dao (dài 36cm, phần chuôi bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 24cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 8,5cm, lưỡi dao có một mặt sắc, đầu dao bằng), mục đích để dùng trong trường hợp xảy ra đánh nhau với bạn tình của chị N. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày chị N gọi điện hẹn T đến quán trà sữa Linh Mun ở tổ dân phố VX, phường ĐT, thị xã PY để nói chuyện. Khi đến nơi T và chị N ngồi đối diện với nhau, quá trình nói chuyện hai người xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, lời qua tiếng lại. Do bực tức, T nảy sinh ý định gây thương tích cho chị N để chị N không có điều kiện đi ra ngoài nữa và phải quay về sống với T. T rút con dao để trong ba lô ra T về phía bên trái chị N, lúc này chị N đang cúi xuống xem điện thoại, T cầm dao ở tay phải chém một nhát trúng vào vai phải chị N. Sau đó tay trái T túm tóc chị N, cầm dao chém nhát thứ hai trúng vào phần cổ chị N. T tiếp tục vung dao nhằm vào vai trái chị N chém nhát thứ ba nhưng chị N giơ tay ra đỡ trúng vào cẳng tay trái. Bị chém, chị N đứng dậy kêu cứu, thấy vậy T vứt dao, bỏ chạy ra khỏi quán rồi tẩu thoát. Đến ngày 24/7/2019, T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Chị N được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức từ ngày 22/7/2019 đến ngày 27/7/2019, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái từ ngày 27/7/2019 đến ngày 05/8/2019.

Tại bản kết luận giám định số 4239 ngày 14/8/2019, Viện khoa học hình sự bộ Công an kết luận: "Trên con dao (ký hiệu D) gửi giám định có ADN người, kiểu gen trùng hoàn toàn với kiểu gen của Hoàng Thị N".

Tại bản Kết luận giám định số 374/TgT ngày 26/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của chị N là 26%. Ngày 07/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phổ Yên có Quyết định trưng cầu giám định bổ sung đối với thương tích của chị N.

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 527/TgT ngày 15/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của chị N là 54%.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị N và gia đình có đơn yêu cầu bồi

thường số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), bị cáo và gia đình đã bồi thường số tiền 69.000.000đ (sáu mươi chín triệu đồng).

Tại bản án số 25/2020/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Minh T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1. Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Dương Minh T 6 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Dương Minh T phải bồi thường cho bị hại Hoàng Thị N tổng số tiền là 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bị hại 69.000.000đ. Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho bị hại là 77.000.000đ (Bảy mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/3/2020 người bị hại chị Hoàng Thị N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án tỉnh giám định bổ sung và tăng mức bồi thường lên 584.000.000đ như bản kê khai.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị N rút một phần kháng cáo, chị không đề nghị giám định bổ sung nữa, chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 584.000.000đ. Bị cáo Dương Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã tuyên xử và không kháng cáo, do người bị hại kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường, bị cáo có ý kiến: Bị cáo biết lỗi hoàn toàn do bị cáo gây nên, nhưng hoàn cảnh bị cáo cũng rất khó khăn vì vậy chỉ đồng ý bồi thường cho người bị hại 200.000.000đ. Người bị hại chị N cũng hoàn toàn nhất trí với mức bồi thường của bị cáo đưa ra. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N cũng nhất trí với sự thỏa thuận của người bị hại và bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của người bị hại và bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các vấn đề liên quan đến kháng cáo của người bị hại. Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại, ghi nhận sự tự thỏa thuận của người bị hại và bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Phần tranh luận: Bị cáo, người bị hại cũng như luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của người bị hại chị Hoàng Thị N làm trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa chị N xin rút một phần kháng cáo đó là không đề nghị giám định bổ sung nữa, chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 584.000.000đ như bản chị tự kê khai.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Dương Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã tuyên xử và không kháng cáo, do người bị hại có kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường, bị cáo có ý kiến: Bị cáo biết lỗi hoàn toàn do bị cáo gây nên, nhưng hoàn cảnh bị cáo cũng rất khó khăn vì vậy chỉ đồng ý bồi thường cho người bị hại 200.000.000đ. Người bị hại chị N cũng hoàn toàn nhất trí với mức bồi thường của bị cáo đưa ra. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N cũng nhất trí với sự thỏa thuận của người bị hại và bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của người bị hại và bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là sự tự thỏa thuận giữa người bị hại và bị cáo về mức bồi thường thương tích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận. Do mức bồi thường tăng lên vì vậy khi tính án phí dân sự có sự thay đổi, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa người bị hại và bị cáo là có căn cứ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại chị Hoàng Thị N, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS - ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên về phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Minh T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1. Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Dương Minh T 6 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự thỏa thuận giữa người bị hại và bị cáo. Bị cáo Dương Minh T phải bồi thường cho người bị hại chị Hoàng Thị N tổng số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Ghi nhận bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị N số tiền là 69.000.000đ (sáu mươi chín triệu đồng). Bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiếp số tiền còn lại cho chị N là 131.000.000đ (một trăm ba mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thi hành khoản bồi thường nói trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo và người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Dương Minh T phải chịu 6.550.000đ (sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thị xã Phổ Yên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế